ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
PHÁT ÂM

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1. Tên môn học (tiếng Việt) : PHÁT ÂM

2. Tên môn học (tiếng Anh) : PRONUNCIATION

3. Mã số môn học : ELI302

4. Trình độ đào tạo : Đại học

5. Ngành đào tạo áp dụng : Ngôn ngữ Anh

6. Số tín chỉ : 03

- Lý thuyết : 01
- Thảo luận và bài tập : 02
- Thực hành : 00
- Khác (ghi cụ thể) : 00

7. Phân bổ thời gian :

- Tại giảng đường : 35
- Tự học ở nhà : 90
- Trực tuyến : 10
- Khác (ghi cụ thể) : 00

8. Khoa quản lý môn học : Khoa Ngoại ngữ

9. Môn học trước : Không

10. Mô tả môn học

Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến âm tiết, trọng âm, ngữ điệu…, góp phần cải thiện kỹ năng nghe và nói trong thực tiễn giao tiếp.

Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được các ký hiệu phiên âm, hỗ trợ cho việc sử dụng tự điển trong quá trình tự học và rèn luyện.

11. Yêu cầu môn học

- Sinh viên phải đọc trước giáo trình theo yêu cầu của giáo viên, đồng thời tìm đọc thêm các tài liệu có liên quan ở thư viện và trên Internet.

- Sinh viên cần rèn luyện kỹ năng thường xuyên và liên tục, vận dụng các kiến thức đã học trên lớp vào tất cả các giờ thực hành tiếng khác.
- Sinh viên cần tích cực tham gia thảo luận làm bài tập nhóm và nghiêm túc thực hiện các bài tập cá nhân, đồng thời tham gia phát biểu xây dựng bài.
- Sinh viên phải hoàn thành tất cả các bài tự học theo chỉ định của giảng viên để có thể nắm vững các kiến thức và kỹ năng cần thiết.

12. Học liệu của môn học

12.1. Giáo trình

[1] Hancock, M. (2012). *English Pronunciation in Use - Intermediate*, 2nd ed. Cambridge: CUP.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] O'Connor, J.D. & Fletcher, C. (1989). *Sounds English.* Harlow*:* Longman.

[3] Baker, A. (2006). *Ship or Sheep,* 3rd ed. Cambridge: CUP.

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Trọng số
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần	10%
	A.1.2. Các bài tập nhà và trên lớp (làm cá nhân hoặc nhóm)	20%
	A.1.3. Kiểm tra nói	20%
A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Kiểm tra viết	50%

C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Nội dung giảng dạy chi tiết
SECTION 1: SOUNDS **1.1. Letters and sounds** 1.1.1. The vowel sounds /eɪ/ and /æ/ 1.1.2. The consonant sounds /s/ and /z/ 1.1.3. The vowel sounds /i:/ and /e/ 1.1.4. Unstressed vowels /ə/ and /ɪ/

SECTION 1: SOUNDS

1.1. Letters and sounds

1.1.5. The consonant sounds /f/ and /v/

1.1.6. The sounds /h/, /w/ and /j/

1.1.7. The vowel sounds /aɪ/ and /ɪ/

1.1.8. The consonant sounds /ʃ/, /dʒ/ and /tʃ/

SECTION 1: SOUNDS

1.1. Letters and sounds

1.1.9. The vowel sounds /ɑ:(r)/ and /eə(r)/

1.1.10. The vowel sounds /əʊ/ and /ɒ/

1.1.11. The consonant sounds /θ/ and /ð/

SECTION 1: SOUNDS

1.1. Letters and sounds

1.1.12. The vowel sounds /ʌ /, /ʊ/ and /u:/

1.1.13. The vowel sounds /ɜ:(r)/ and /ɔ:(r)/

1.1.14. The vowel sounds /ɔɪ/ and /aʊ/

SECTION 1: SOUNDS

1.2. Combining sounds

1.2.1. Consonant groups at the beginning of words

1.2.2. Consonant groups at the end of words

1.2.3. Words with –s endings

1.2.4. Words with –ed endings

SECTION 2: STRESS

2.1. Word stress

2.1.1. Introducing word stress

2.1.2. Stress in two-syllable words

2.1.3. Stress in compound words

2.1.4. Stress in longer words 1

2.1.5. Stress in longer words 2

SECTION 2: STRESS

2.2. Stress patterns

2.2.1. Introducing stress patterns

2.2.2. Pronouns in stress patterns

2.2.3. Auxiliary verbs in stress patterns

SECTION 3: INTONATION

3.1. Introduction to main stress

3.2. Emphasizing a contrasting opinion

3.3. Emphasizing added details

3.4. Main stress in constrasting information

3.5. Rising and falling tones

SECTION 4: UNDERSTANDING PRONUNCIATION IN USE

4.1. Speech

4.1.1. Unstressed words in conversation

4.2. Tone

4.1.2. Sure and unsure tones